

Bản án số 197/2024/HC-PT

Ngày 27/5/2024

Về "Khiếu kiện các quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Cường

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Trang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên
tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số
338/2023/TLPT-HC ngày 22/11/2023 về "Khiếu kiện các quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai" đối với Bản án hành chính sơ thẩm số
45/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng
cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 938/2024/QĐ-PT ngày
08/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông Lê M; địa chỉ: C đường H, thành phố Q, tỉnh Bình
Định, vắng mặt.

**Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023 của ông Lê M là ông
Trần Đình K;** địa chỉ: F đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi
Văn P - Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: số F đường N, thành phố Q, tỉnh
Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

**Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 07/GUQ- UBND ngày 09/6/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh B là ông Nguyễn Tuấn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân
dân tỉnh B,** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định. **Người đại diện theo văn
bản ủy quyền số 19/GUQ-UBND ngày 09/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
thành phố Q là ông Nguyễn Công V - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q,** có đơn
đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ban Q đất thành phố Q, tỉnh Bình Định. Người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 03/GUQ-BQL ngày 05/6/2023 của Giám đốc Ban Q đất thành phố Q là ông Đặng Phan Tiến D - Phó Giám đốc, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q. Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N là ông Nguyễn Đình Đ (Phó Chủ tịch), vắng mặt.

4. Bà Phạm Thị D1; địa chỉ: nhà số C đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, mặt. Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2023 của bà Phạm Thị D1 là ông Trần Đình K; địa chỉ: nhà số F đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Bùi Xuân L, vắng mặt;

6. Bà Đoàn Thị T1, vắng mặt;

Ông L và bà T1 cùng trú tại: Tổ C, khu phố H, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Lê M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D1 (vợ ông Lê M) trình bày: Ngày 02/11/2017, vợ chồng ông Lê Minh n chuyển nhượng 92,2m² đất ở thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 48 tổ C, khu V, phường N, thành phố Q của vợ chồng ông Bùi Xuân L bà Đoàn Thị T1, việc chuyển nhượng viết giấy tay, có xác nhận của Ban cán sự khu phố 8; phần diện tích đất chuyển nhượng có nhà ở, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu; sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông M sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00176 QSDĐ/L3 ngày 11/8/1993 thì Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp quyền sử dụng đất cho cụ Bùi L1 (cha ông Bùi Xuân L) và ông L thửa đất số 603, tờ bản đồ số 01, diện tích 395m²; theo Bản đồ trích đo hiện trạng, hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2018 thì thửa đất 603 đo đạc, đổi tên thành thửa 129, tờ bản đồ số 01. Năm 2019, Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư khu vực núi M, phường N. Ngày 17/11/2020 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8193/QĐ-UBND thu hồi 92,2m² đất của thửa đất số 129 của hộ ông (bà) Bùi Xuân L (ông Lê M, bà Phạm Thị D1 nhận chuyển nhượng). Theo bảng kê chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định thì gia đình ông M chỉ được bồi thường đất theo giá đất nông nghiệp.

Không đồng ý với phương án bồi thường trên, ông M khiếu nại. Ngày 25/10/2021 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7865/QĐ - UBND phê duyệt điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng và điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 7866/QĐ-UBND điều chỉnh đối tượng bị thu hồi đất tại Quyết định số 8193. Không đồng ý với các quyết định trên, ông M tiếp tục có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất, bồi thường theo giá đất ở và cấp 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông M

theo đúng diện tích đất bị thu hồi. Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8650/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, không chấp nhận khiếu nại của ông M, ông M khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại lần hai thì ngày 17/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố Q tiếp tục ban hành Quyết định số 3066/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi 92,2m² đất thuộc thửa đất số 129 của hộ ông M. Ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1284/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai, không chấp nhận khiếu nại của ông M. Theo ông M Quyết định 8650 giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định 1284 giải quyết khiếu nại lần 2 không đúng vì không có căn cứ nào cho rằng diện tích đất ông M đang sử dụng là đất vườn (nay là đất bằng trồng cây hàng năm khác) nếu là đất trồng cây hàng năm khác thì tại sao Quyết định số 3066 phần nội dung cưỡng chế lại buộc vợ chồng ông M tháo dỡ toàn bộ công trình, nhà cửa, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc và di dời tài sản có liên quan nằm trong diện tích 92,2m² thuộc thửa đất số 129.

Nay, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 8650 và Quyết định 1284, buộc UBND thành phố Q thực hiện bồi thường thiệt hại đất ở, nhà ở và giao đất tái định cư cho gia đình ông M. Ngày 23/8/2023 ông M có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định 8193/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND thành phố Q về phần thu hồi diện tích của hộ ông (bà) Bùi Xuân L (ông Lê M, bà Phạm Thị D1 nhận chuyển nhượng), hủy Quyết định số 7865/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND thành phố Q về phê duyệt điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng và điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; hủy một phần Quyết định 7866/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về điều chỉnh đối tượng bị thu hồi đất tại Quyết định số 8193, hủy phần diện tích đất bị thu hồi; hủy Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Q; buộc UBND thành phố thực hiện việc bồi thường toàn bộ công trình, nhà cửa, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc, bồi thường theo giá đất ở mà gia đình ông M bị thu hồi và cấp cho hộ ông M 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích đất bị thu hồi.

* *Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:* Ngày 11/8/1993, UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00176 cho cụ Bùi L1 và ông Bùi Xuân L, trong đó có thửa đất 603, diện tích 395m² gồm 200m² đất ở và 195m² đất vườn. Ngày 27/9/2011, cụ L1 và ông L tặng cho 100m² đất ở thuộc thửa đất số 603 cho anh Bùi Văn C (con ông L, cháu nội cụ L1) được Phòng C2 chứng thực và được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00474 ngày 30/12/2011 đối với diện tích đất được tặng cho trên (thửa đất số 33a, tờ bản đồ số 48, diện tích 100m², đất ở đô thị - viết tắt là thửa đất số 33a). Ngày 21/12/2011, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q chỉnh lý biên động trong Giấy chứng nhận số 00176 đối với diện tích 295m² đất còn lại gồm 100m² đất ở và 195m² đất vườn. Theo bản đồ trích đo hiện trạng, hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 24/12/2015 (phục vụ thực hiện dự án) thì thửa đất gia đình ông L đang sử dụng được đo đạc thành thửa đất số 33, diện tích 407,3m², tăng 407,3m² - 295m² = 112,3m² (sau khi tặng cho quyền sử dụng đất cho ông C1 ngày 27/9/2011), được

cơ quan chức năng xác định là so sai số qua các lần đo đạc bản đồ, hộ ông L sử dụng ổn định, không bị tranh chấp khiếu nại. Diện tích đất thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư khu vực phía Đông núi M là 315,1m² (100m² đất ở, 195m² đất vườn và 20,1m² đất do sai số đo đạc bản đồ); diện tích còn lại sau khi thu hồi là 92,2m² đất vườn, nay là đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK). Ngày 02/11/2017, vợ chồng ông L và bà Đoàn Thị T1 viết giấy tay chuyển nhượng diện tích 92,2m² đất còn lại thuộc thửa đất số 33 sau khi giải toả cho ông Lê M và bà Phạm Thị D1. Theo bản đồ trích đo hiện trạng, hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2018 (phục vụ thực hiện dự án) thì diện tích đất 92,2m² thuộc thửa đất số 33 vợ chồng ông M nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L ngày 02/11/2017, được đo đạc thành thửa đất số 129, diện tích 187,5m² được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q xác nhận nguồn gốc sử dụng đất tại Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 16/9/2020 và Báo cáo số 165/BC-UBND ngày 15/6/2021 như sau: “*Diện tích 95,3m² đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Bùi Xuân L để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến bến xe liên tỉnh (Khu tái định cư P núi M, phường N). Diện tích 92,2m² là diện tích đất còn lại sau khi thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng Khu tái định cư phía Đông núi M, phường N. Ngày 18/7/2019, ông Lê M có Bản tự khai và Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê tổng hợp xác định hộ ông Lê M bị thiệt hại về đất, diện tích 187,5m² (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất), thực tế diện tích chỉ có 92,2m²*”. Ngày 17/11/2020, UBND thành phố Q ban hành 02 quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất và thu hồi đất đối với hộ ông L (đợt 11):

- Quyết định số 8193: Thu hồi 92,2m² tại toàn phần thửa đất số 129. Lý do thu hồi: Để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình Khu dân cư khu vực núi M, thành phố Q.

- Quyết định số 8191/QĐ-UBND theo đó hộ ông L được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 54.582.400 đồng, trong đó: + Bồi thường về đất nông nghiệp (đất bằng trồng cây hàng năm khác): 13.645.600 đồng = 92,2m² x 148.000 đồng/m² (74.000 đồng x 2 x 1,0). Áp dụng Điều 8 của Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh; đơn giá áp dụng Bảng giá đất theo Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng; + Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: Áp dụng Điều 36 của Quyết định số 04: 40.936.800 đồng = 92,2m² x 444.000 đồng/m² (148.000 đồng/m² x 3); + Không bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 95,3m² vì đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông L để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Khu tái định cư Đ núi M, phường N.

Ngày 25/10/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 7866 về việc điều chỉnh đối tượng bị thu hồi đất trong Quyết định số 8193, từ hộ ông L điều chỉnh thành hộ ông Lê M, vợ là bà Phạm Thị D1 (bên nhận chuyển nhượng) và Quyết định số 7865 về việc điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 8191 là 40.936.800 đồng (không hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm

cho hộ ông M, bà D1). Lý do điều chỉnh: UBND phường N xác nhận điều chỉnh nguồn gốc đất và chủ sử dụng đất.

Ngày 09/11/2021, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q có Thông báo số 914/TB-BQL đề nghị hộ ông M nhận tiền bồi thường, giao trả mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện công trình Khu dân cư khu vực núi M, thành phố Q, nhưng hộ ông M không nhận tiền bồi thường và không giao trả mặt bằng nên ngày 17/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3066 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông M và tiến hành cưỡng chế thu hồi đất theo quy định. Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 8650 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông M với nội dung *“Không công nhận nội dung đơn ông Lê M khiếu nại, yêu cầu bồi thường đất ở và giao đất tái định cư cho ông do bị ảnh hưởng công trình Khu dân cư khu vực núi M, phường N, thành phố Q”*. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại trên, ông M tiếp tục gửi đơn khiếu nại. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ, kết quả đối thoại và đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B tại Văn bản số 34/BC-STNMT ngày 16/3/2023 và Văn bản số 972/STNMT-TTRA ngày 05/4/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1284 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông M; theo đó: *“Việc ông Lê M1 khiếu nại yêu cầu bồi thường thiệt hại đất ở; nhà ở và giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi 92,2m² của gia đình ông để xây dựng công trình Khu dân cư khu vực núi M, phường N, thành phố Q là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì diện tích đất thu hồi 92,2m² là đất nông nghiệp (đất bằng trồng cây hàng năm khác) không phải đất ở; toàn bộ 100m² đất ở của hộ gia đình ông Bùi Xuân L (bên chuyển nhượng) đã được thu hồi, bồi thường theo Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A nên hộ ông Lê M, vợ là bà Phạm Thị D1 được bồi thường đất nông nghiệp, đơn giá bồi thường 148.000 đồng/m² (đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 7865) là đúng theo quy định của pháp luật đất đai và không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư theo quy định tại Điều 42 Quyết định số 04. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 8650”*.

Quyết định số 1284 là đúng quy định của pháp luật nên việc ông Lê M khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ quyết định trên là không có cơ sở, Chủ tịch UBND tỉnh B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu Tòa án huỷ quyết định trên.

* *Bị đơn Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:* Theo hồ sơ kiểm kê, bồi thường và biên bản họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ công trình Khu dân cư khu vực núi M, phường N (đợt 18) vào ngày 28/9/2021, thể hiện ông Lê M có đất tại tổ C, khu phố H, phường N bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng công trình nói trên.

Nguồn gốc thửa đất được UBND phường N xác nhận tại Báo cáo số 201, nội dung Biên bản làm việc ngày 24/02/2021 giữa Thanh tra thành phố và UBND phường N và nội dung điều chỉnh, bổ sung tại Báo cáo số 165, thể hiện địa chỉ thửa đất tại Tổ C, khu phố H, phường N, thành phố Q; hộ khẩu thường trú Tổ H, khu phố H, phường N, thành phố Q. Thửa đất bị ảnh hưởng dự án:

- Bản đồ 299 và sổ mục kê: Thửa đất số 603, diện tích 395m², loại đất thổ cư, Sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Bùi Lập .

- Bản đồ năm 2001: Thửa đất số 33, diện tích 494,1 m², loại đất ở và đất vườn, ghi tên chủ sử dụng: Bùi Xuân L.

- Bản đồ trích đo hiện trạng năm 2015 (dùng để thực hiện Dự án xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến B liên tỉnh) là thửa đất số 33, diện tích 407,3m² (Diện tích bị thu hồi 315,1m²/407,3m², loại đất bị thu hồi là đất ở và đất vườn). Diện tích còn lại sau khi thu hồi 92,2m².

- Bản đồ trích đo hiện trạng năm 2018: Thửa đất số 129, diện tích 187,5m², loại đất: BHK (Đất bằng trồng cây hằng năm khác). Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Bùi Xuân L sang nhượng cho ông Lê M. Diện tích bị thu hồi: 187,5m²/187,5m².

- Nguồn gốc sử dụng đất: Ông Bùi L1 và ông Bùi Xuân L được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận số 00176, trong đó có thửa đất số 603, diện tích 395,0m² đất ở 200m², đất vườn 195m²; nhà ở của ông L1 và ông L xây dựng trước ngày 15/10/1993 sử dụng không bị tranh chấp, khiếu nại. Đến ngày 27/9/2011, ông L1 và ông L tặng cho 100m² đất ở của thửa đất số 603 cho anh Bùi Văn C được Phòng C2. Diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận của cụ L1 và ông L là 295m² gồm đất ở 100m², đất vườn 195,0m². Diện tích 407,3m² theo Bản đồ hiện trạng năm 2015 tăng so với diện tích 295m² còn lại trong GCN 407,3m² - 295m² = 112,3m² là do sai số qua các lần đo đạc bản đồ. Năm 2015, UBND thành phố thực hiện Dự án xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh Khu tái định cư phía Đ núi M, phường N, trong đó có cụ L1 và ông L bị ảnh hưởng thu hồi đất với diện tích 315,1m² trong đó 100m² đất ở và 195m² đất vườn thuộc Giấy chứng nhận số 00176, diện tích 20,1m² là do sai số qua các lần đo đạc. Diện tích còn lại sau thu hồi 92,2m² tăng là do sai số qua các lần đo đạc bản đồ.

Năm 2017, ông L, vợ là Đoàn Thị T1 và con Bùi Văn C sang nhượng 92m² đất cho vợ chồng ông Lê M, bà Phạm Thị D1 theo Giấy bán đất lập ngày 02/11/2017, việc sang nhượng bằng giấy viết tay chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận. Diện tích 187,5m² do ông M đang sử dụng theo Bản đồ hiện trạng năm 2018 tăng so với diện tích 92,2m² còn lại sau thu hồi đất của ông L1 và ông L để thực hiện dự án vào năm 2015 (187,5m² - 92,2m²) = 95,3m² là diện tích đất đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho cụ L1 và ông L để thực hiện giải phóng mặt bằng. Diện tích bị thu hồi của ông Lê M trong dự án là 187,5m² đất thuộc thửa đất số 129 (Bản đồ trích đo hiện trạng năm 2018), trong đó 95,3m² đất đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho cụ L1 và ông L, nhưng ông Lê Minh t lấn chiếm; còn diện tích 92,2m² là phần tăng do sai số qua các lần đo đạc bản đồ, còn lại sau khi thu hồi đất của cụ L1 và ông L. Hồ sơ kiểm kê thể hiện ông Lê M bị thu hồi diện tích 187,5m² đất thuộc thửa đất số 129, thời điểm kiểm kê, trên đất không có nhà và vật kiến trúc, Hồ sơ thu hồi đất ngày 25/10/2021, UBND thành phố ban hành quyết định số 7866 về việc điều chỉnh đối

tượng bị thu hồi đất tại Quyết định số 8193 từ hộ ông L (ông Lê M, bà Phạm Thị D1 nhận chuyển nhượng) điều chỉnh thành hộ ông Lê M, vợ Phạm Thị D1. Hồ sơ bồi thường thể hiện: Trên cơ sở nguồn gốc thửa đất của ông Lê M được UBND phường N xác nhận nêu trên và căn cứ quy định tại Quyết định số 04; ngày 17/11/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 8191 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 11) cho các hộ dân bị ảnh hưởng dự án trong đó có hộ ông L (ông Lê M, bà Phạm Thị D1 nhận chuyển nhượng) với tổng giá trị là 54.582.400 đồng. Bảng tính chi tiết thể hiện như sau: Bồi thường đất nông nghiệp với diện tích 92,2m² theo đơn giá 148.000 đồng/m² (74.000 đồng/m² x 2 x 1,0) thành tiền 13.645.600 đồng và hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo hộ ông Bùi Xuân L (ông Lê M - vợ là Phạm Thị D1) với diện tích 92,2m² theo đơn giá hỗ trợ là 444.000 đồng/m², thành tiền 40.936.800 đồng. Trên cơ sở xác nhận của UBND phường N và xét đề nghị của Hội đồng bồi thường và giải phóng mặt bằng, ngày 25/10/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 7865 về việc điều chỉnh đối tượng thu hồi đất và điều chỉnh giảm số tiền hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với hộ ông M (trước đây tính theo hộ ông Bùi Xuân L) vì đối tượng thu hồi đất là ông M có hộ khẩu thường trú tại tổ H, khu vực 8, phường N và ông M không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại phường N. Theo Quyết định số 7865 về việc phê duyệt điều chỉnh tên đối tượng bị ảnh hưởng và điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Khu dân cư Khu vực núi M, phường N, thành phố Q; theo đó, giá trị phê duyệt điều chỉnh giảm còn 40.936.800 đồng. Đối với diện tích 95,3 m² đất Nhà nước đã thu hồi và bồi thường cho cụ L1 và ông L, nhưng ông M tái lấn chiếm nên không bồi thường, hỗ trợ. Việc ông M khiếu nại, yêu cầu Nhà nước bồi thường đất ở và giao đất tái định cư cho ông là không có cơ sở để xem xét giải quyết theo quy định tại Quyết định số 04 vì thửa đất số 129, loại đất: BHK (Đất bằng trồng cây hằng năm khác) do ông Lê M đang sử dụng và bị thu hồi trong Khu dân cư khu vực núi M, phường N có nguồn gốc là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông M nhận sang nhượng lại bằng giấy viết tay của ông L và không có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền, trên đất không có nhà ở và ông M hiện có hộ khẩu thường trú tại tổ H, khu vực 8, phường N Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 8650 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông M là đúng quy định pháp luật. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu hủy quyết định trên và buộc UBND thành phố thực hiện việc bồi thường thiệt hại đất ở, nhà ở và giao đất tái định cư do Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông Lê M tại phường N để xây dựng công trình Khu dân cư khu vực núi M, phường N là không có cơ sở nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Q đất thành phố Q và UBND phường N, thành phố Q thống nhất với trình bày của UBND thành phố Q.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân L và bà Đoàn Thị T1 thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông M.*

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 45/2023/HC-ST ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số, điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định số 1800/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Căn cứ quy định tại Điều 29 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 8650/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Hủy Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Hủy một phần Quyết định số 8193/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Hủy Quyết định số 7865/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Hủy một phần Quyết định số 7866/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Hủy Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê M về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định thực hiện việc bồi thường toàn bộ công trình, nhà cửa, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc, bồi thường theo giá đất ở mà gia đình ông M bị thu hồi và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê M về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định cấp cho hộ ông M 01 lô đất tái định cư theo đúng diện tích đất bị thu hồi.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Minh p chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000334 ngày 31/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- ông Lê M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- ông Lê M và người đại diện theo ủy quyền của ông Lê M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê M vắng mặt có gửi Bản luận cứ đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của ông Lê M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Người khởi kiện đồng thời là Người kháng cáo và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về nội dung:

[2] Thực hiện Dự án xây dựng công trình Khu dân cư khu vực núi M, phường N thửa đất số 129 bị ảnh hưởng thu hồi toàn phần diện tích 92,2m². Ngày 17/11/2020, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8193 thu hồi 92,2m² đất toàn phần thửa đất số 129 đối với hộ ông L (ông Lê M, bà Phạm Thị D1 nhận chuyển nhượng). Ngày 17/11/2020, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8191 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 11) cho các hộ dân bị ảnh

hưởng dự án trong đó có hộ ông L (ông Lê M, bà Phạm Thị D1 nhận chuyển nhượng) với tổng giá trị 54.582.400 đồng; kèm bảng tính chi tiết như sau: Bồi thường đất nông nghiệp diện tích 92,2m² theo đơn giá 148.000 đồng/m² (74.000 đồng/m² x 2 x 1,0) = 13.645.600 đồng và hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm theo hộ ông Bùi Xuân L (ông Lê M2 - vợ là Phạm Thị D1) cho diện tích 92,2m² theo đơn giá hỗ trợ là 444.000 đồng/m², thành tiền 40.936.800 đồng; đối với diện tích 95,3m² đất Nhà nước đã thu hồi và bồi thường cho cụ L1 và ông L trong Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến B liên tỉnh (Khu tái định cư P núi M, phường N), nhưng ông M2 tái lấn chiếm nên không bồi thường, hỗ trợ.

[3] Ngày 25/10/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 7866 về việc điều chỉnh đối tượng bị thu hồi đất trong Quyết định số 8193, từ hộ ông L điều chỉnh thành hộ ông Lê M, vợ là bà Phạm Thị D1 (bên nhận chuyển nhượng), lý do điều chỉnh UBND phường N xác nhận điều chỉnh nguồn gốc đất và chủ sử dụng đất. Ngày 25/10/2021, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7865 điều chỉnh đối tượng thu hồi đất và điều chỉnh giảm số tiền hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với hộ ông M (trước đây tính theo hộ ông Bùi Xuân L) vì đối tượng thu hồi đất là ông M thường trú tại tổ H, khu V, phường N, thành phố Q và ông M không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại phường N nên bỏ khoản hỗ trợ này. Không đồng ý với phương án bồi thường trên, ông M có đơn khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch UBND thành phố yêu cầu bồi thường vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất, bồi thường theo giá đất ở và cấp 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông M theo đúng diện tích bị thu hồi. Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8650 giải quyết khiếu nại lần đầu, không chấp nhận khiếu nại của ông M. Ông M tiếp tục khiếu nại và ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1284 giải quyết khiếu nại lần hai không chấp nhận khiếu nại của ông M yêu cầu bồi thường thiệt hại đất ở, nhà ở và giao đất tái định cư khi bị thu hồi 92,2m² đất. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại lần hai, ngày 17/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3066 cưỡng chế thu hồi 92,2m² đất thuộc toàn phần thửa đất số 129 của hộ ông M.

[4] Theo Bản đồ 299 và Sổ mục kê, thửa đất hộ ông M bị ảnh hưởng thu hồi là thửa đất số 603, diện tích 395m², loại đất thổ cư, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng cụ Bùi Lập. Theo Bản đồ năm 2001 là thửa đất số 33, diện tích 494,1 m², loại đất ở và đất vườn, ghi tên chủ sử dụng: Bùi Xuân L. Theo Bản đồ trích đo hiện trạng năm 2015 (dùng để thực hiện Dự án xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến B liên tỉnh) là thửa đất số 33, diện tích 407,3m². Theo Bản đồ trích đo hiện trạng năm 2018 là thửa đất số 129, diện tích 187,5m², loại đất: BHK (Đất bằng trồng cây hằng năm khác); hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Bùi Xuân Liêm sang nhượng cho ông Lê M, trong đó có thửa đất số 603, diện tích 395m² gồm 200m² đất ở và 195m² đất vườn. Ngày 27/9/2011, cụ L1 và ông L tặng cho 100m² đất ở thuộc thửa đất số 603 cho anh Bùi Văn C (con ông L, cháu nội ông L1), được Phòng C2 chứng thực và được UBND thành phố cấp GCN CH00474 đối với diện tích đất được tặng cho (theo

GCN CH00474 là thửa đất số 33a, diện tích 100m² đất ở đô thị). Ngày 21/12/2011, biến động trong GCN số 00176 đối với diện tích 295m² đất còn lại sau khi tặng cho quyền sử dụng đất cho ông C (gồm 100m² đất ở, 195m² đất vườn).

[5] Theo bản đồ trích đo hiện trạng, hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 24/12/2015 (phục vụ thực hiện dự án), diện tích thửa đất số 33 được đo đạc là 407,3m², so với diện tích thửa đất số 33 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q chỉnh lý biến động ngày 21/12/2011 thì tăng 407,3m² - 295m² = 112,3m² được cơ quan chức năng xác định là sai số qua các lần đo biến động trong GCN số 00176, nội dung “*Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất 603, tờ bản đồ số 01*”. Ngày 02/11/2017, vợ chồng ông L và bà Đoàn Thị T1 viết giấy tay chuyển nhượng diện tích đất còn lại 92,2m² thuộc thửa đất số 33 cho ông Lê M và bà Phạm Thị D1. Thửa đất số 129 do ông Lê M đang sử dụng và bị thu hồi trong Khu dân cư khu vực núi M, phường N có nguồn gốc là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông M nhận sang nhượng lại bằng giấy viết tay của ông L và không có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền, trên đất không có nhà ở. Tại Báo cáo số 201 và Báo cáo số 165 của UBND phường N xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trên như sau: “*Diện tích 95,3m² đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Bùi Xuân L để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến bến xe liên tỉnh (Khu tái định cư P núi M, phường N). Diện tích 92,2m² là diện tích đất còn lại sau khi thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng Khu tái định cư phía Đông núi M, phường N. Ngày 18/7/2019, ông Lê M có Bản tự khai và Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tiến hành kiểm kê tổng hợp xác định hộ ông Lê M bị thiệt hại về đất, diện tích 187,5m² (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất), thực tế diện tích chỉ có 92,2m²*”. Nội dung xác nhận nguồn gốc đất nói trên của UBND phường N là phù hợp với hiện trạng thực tế sử dụng đất của thửa đất số 33, nay là thửa đất số 129. Ngoài ra, hộ ông Lê Minh thống n1, không có ý kiến gì khác đối với diện tích 92,2m² bị ảnh hưởng thu hồi của thửa đất số 129. Theo xác nhận của UBND phường N và theo nơi thường trú của vợ chồng ông M thì hộ ông M, bà Dân thường t1 tại tổ H, khu V, phường N, thành phố Q và không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại phường N, thành phố Q. Căn cứ nội dung xác nhận nguồn gốc đất nói trên của UBND phường N và các quy định của pháp luật về đất đai thì Quyết định số 8650', Quyết định số 1284, Quyết định số 8193, Quyết định số 7865, Quyết định số 7866 được ban hành có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 quy định các điều kiện để thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất như sau: “... a) *Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban M3 cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục; Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành; Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành. Trường hợp người bị*

cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì UBND cấp xã lập biên bản.”; Như vậy, ngày 17/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3066 cưỡng chế thu hồi 92,2m² thuộc toàn phần thửa đất 129 của hộ ông Lê M là đúng pháp luật.

[7] Từ các mục trên, cấp phúc thẩm xét Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê M là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Lê M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông Lê M và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 45/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Lê M phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000394 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân